CHI NHÁNH CTY CP TỔNG CTYTHƯƠNG MẠI
QUẢNG TRỊ- NHÀ MÁY SẤY LÚA SEPON
Địa chỉ: Cụm CN Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: **0949.378.559**
Website: www.sepon.com.vn - Email: cttmqt@dng.vnn.vn

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu

HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ BỂ CHỮA CHÁY

Thuộc nhà máy

NHÀ MÁY SẤY LÚA HẢI LĂNG

Địa điểm

CỤM CÔNG NGHIỆP DIÊN SANH, HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Quảng Trị, ngày 26 tháng 12 năm 2024

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

Giám Đốc

Nguyễn Bá Tài

Hải Lăng, Quảng Trị

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên chủ đầu tư là: Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị.

2. Tên bên mời thầu là: Chi nhánh Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị- Nhà máy sấy lúa Sepon.

3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh (nộp báo giá) gói thầu: Hệ thống Phòng cháy chữa cháy và bể chữa cháy, thuộc Nhà máy sấy lúa Sepon. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

4. Loại hợp đồng: Trọn gói

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột "đơn giá " và cột "thành tiền" của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;

2. Cam kết thực hiện gói thầu xây lắp theo Mẫu số 02 Chương III

3. Biểu giá theo Mẫu số 03 Chương III;

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 60 ngày, kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2025

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp về địa chỉ: Nhà máy sấy lúa Sepon. Tại: Cụm công nghiệp Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Điện thoại: 0949.378.559, không muộn hơn **8 giờ ngày 03/01/2025**. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trún g thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;

2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax.

Mục 9. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

1. Tiến độ thực hiện

Nhà thầu phải xây dựng công trình theo đúng hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công hạng mục: Hệ thống Phòng cháy chữa cháy và bể chữa cháy đính kèm bản yêu cầu báo giá này trong thời gian: **60 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

(Đính kèm bản yêu cầu báo giá bao gồm: Bản vẽ thiết kế thi công đã được thẩm duyệt PCCC.)

2. Phạm vi cung cấp

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng
A	**HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**		
1	Lắp đặt hộp chữa cháy vách tường đựng lăng vòi, KT 600x400x180, sơn tĩnh điện	hộp	24,000
2	Lắp đặt hộp chữa cháy ngoài nhà nhà KT 500x700x200, sơn tĩnh điện	hộp	2,000
3	Lắp đặt kệ bình chữa cháy	kệ	47,000
4	Lắp đặt van góc - Đường kính van 65mm	cái	4,000
5	Lắp đặt van góc - Đường kính van 50mm	cái	24,000
6	Lắp đặt cuộn vòi chữa cháy D65, TQ	cuộn	4,000
7	Lắp đặt cuộn vòi chữa cháy D50, TQ	cuộn	24,000
8	Lắp đặt lăng chữa cháy D65	cái	4,000
9	Lắp đặt lăng chữa cháy D50	cái	24,000
10	Khớp nối hợp kim D50	cái	4,000
11	Lắp đặt bình chữa cháy bột - MFZL4	cái	52,000
12	Lắp đặt bình chữa cháy khí - CO2-MT3	cái	52,000
13	Lắp đặt van chặn - Đường kính 100mm	cái	7,000
14	Lắp đặt van chặn - Đường kính 50mm	cái	6,000
15	Lắp đặt van chặn - Đường kính 32mm	cái	2,000
16	Lắp đặt van chặn - Đường kính 15mm	cái	1,000
17	Lắp đặt van 1 chiều - Đường kính 100mm	cái	2,000
18	Lắp đặt van 1 chiều - Đường kính 50mm	cái	1,000
19	Lắp đặt van xả khí - Đường kính 32mm	cái	1,000
20	Lắp đặt van Alarm - Đường kính 100mm	cái	1,000
21	Lắp đặt đồng hồ đo áp lực	cái	2,000
22	Lắp đặt công tắc áp lực	cái	3,000
23	Lắp đặt công tắc dòng chảy	cái	1,000
24	Lắp đặt Y lọc rác - Đường kính 100mm	cái	2,000
25	Lắp đặt Y lọc rác - Đường kính 50mm	cái	1,000
26	Lắp đặt rọ hút - Đường kính 100mm	cái	2,000
27	Lắp đặt rọ hút - Đường kính 50mm	cái	1,000
28	Lắp đặt sprinkle D15	bộ	317,000
29	Lắp đặt chống rung ống xả khói - Đường kính D50mm	cái	1,000
30	Lắp đặt hệ thống mồi nước- Đường kính 32mm	cái	1,000
31	Lắp đặt mối nối mềm - Đường kính 100mm	cái	4,000

32	Lắp đặt mối nối mềm - Đường kính 50mm	cái	2,000
33	Lắp đặt trụ cứu hoả 3 cửa, ĐK 100mm	cái	2,000
34	Lắp đặt trụ tiếp nước 2 cửa, đường kính trụ d=100mm, VN	cái	1,000
35	Lắp đặt ống thép tráng kẽm, ĐK 100mm	100m	6,060
36	Lắp đặt ống thép tráng kẽm, ĐK 50mm	100m	0,880
37	Lắp đặt ống thép tráng kẽm - ĐK 40mm	100m	1,220
38	Lắp đặt ống thép tráng kẽm, ĐK 32mm	100m	1,060
39	Lắp đặt ống thép tráng kẽm, ĐK 25mm	100m	6,780
40	Lắp đặt cút thép tráng kẽm bằng p/p hàn - ĐK 100mm	cái	17,000
41	Lắp đặt cút thép tráng kẽm ĐK 50mm	cái	94,000
42	Lắp đặt cút thép tráng kẽm ĐK 40mm	cái	60,000
43	Lắp đặt cút thép tráng kẽm ĐK 25/15mm	cái	60,000
44	Lắp đặt tê thép tráng kẽm - ĐK D100mm, D100/50mm	cái	43,000
45	Lắp đặt tê thép tráng kẽm - ĐK D50mm	cái	19,000
46	Lắp đặt tê thép tráng kẽm ĐK D40mm, D40/15mm	cái	82,000
47	Lắp đặt tê thép tráng kẽm ĐK D32/15mm	cái	39,000
48	Lắp đặt tê thép tráng kẽm ĐK D25/15mm	cái	144,000
49	Lắp đặt côn thép tráng kẽm - Đường kính 50/40mm	cái	32,000
50	Lắp đặt côn thép tráng kẽm - Đường kính D40/32mm; 40/25mm	cái	60,000
51	Lắp lip thép tráng kẽm - Đường kính 50mm	cái	24,000
52	Lắp lip thép tráng kẽm - Đường kính 40mm	cái	60,000
53	Lắp bích thép đặc - Đường kính 100mm	cặp bích	2,000
54	Lắp bích thép rỗng - Đường kính 100mm	cặp bích	63,500
55	Lắp bích thép - Đường kính 80mm	cặp bích	1,000
56	Lắp đặt, cùm treo giữ ống các loại	cái	370,000
57	Lắp đặt cáp điện nhôm 4C x 70 mm2 (Cấp nguồn cho máy bơm điện chữa cháy)	m	96,000
58	Lắp đặt dây dẫn 3x6+1x4 mm2 cấp nguồn cho máy bơm bù	m	15,000
59	Lắp đặt dây dẫn 2x4mm2, dây điều khiển + dây sạc bình	m	25,000
60	Lắp đặt ống nhựa xoắn chìm bảo hộ dây dẫn - Đường kính D65/50mm	m	100,000
61	Lắp đặt tủ điều khiển máy bơm chữa cháy: (Vỏ tủ 800x1200x220 dày 1,2 ly; Thành phần tủ điều khiển CP khởi động từ, công tắc ON-OFF; Hệ thống song heo dầu, sạc bình điện tử...)	1 tủ	1,000
62	Lắp đặt và hiệu chỉnh máy bơm nước chạy điện	1 máy	1,000
63	Lắp đặt máy bơm chữa cháy chạy diezel	1 máy	1,000
64	Lắp đặt bảng nội qui tiêu lệnh PCCC	cái	13,000

65	Thử áp lực đường ống gang, thép - Đường kính 100mm	100m	6,060
66	Thử áp lực đường ống gang, thép - Đường kính <100mm	100m	9,940
67	Đào đất đặt đường ống chữa cháy, đường cáp báo cháy bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất III (80%KL đào)	100m3	0,887
68	Đào đường ống chữa cháy, đường cáp tín hiệu bằng thủ công, rộng ≤1m, sâu ≤1m - Cấp đất III (20%KL đào)	1m3	22,176
69	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,90	100m3	1,1088
70	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	1m2	283,297
71	Bu lông M16x4	cái	840,000
72	Lắp đặt hộp đựng dụng cụ phá dỡ thông thường bao gồm (01 tủ KT 1200x600x200+ 01 rừu chặt + 01 búa tạ + 01 kìm động lực + 01 xà beng)	hộp	1,000
73	Lắp đặt đèn thoát hiểm	5 đèn	4,600
74	Lắp đèn chiếu sáng sự cố	5 đèn	7,000
75	Lắp đặt hộp nối, phân dây	hộp	60,000
76	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột VCmo 2x1,5mm2, Cadivi	m	625,000
77	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn - Đường kính D16mm	m	625,000
78	Lắp đặt hộp nối, phân dây, công tắc, cầu chì, automat, KT 160x160mm	hộp	3,000
79	Lắp đặt các automat 1 pha 16A	cái	3,000
80	Lắp đặt trung tâm xử lý tín hiệu báo cháy 10 kênh, YunYang/Taiwan (Chỉ tính phần nhân công)	1 trung tâm	1,000
81	Lắp đặt hộp nối, phân dây, công tắc, cầu chì, automat, KT 160x160mm	hộp	3,000
82	Lắp đặt hộp phân dây	hộp	199,000
83	Lắp đặt đầu báo cháy nhiệt, YunYang/Taiwan	10 đầu	17,500
84	Lắp đặt đầu báo báo tia chiêu BEAM (đầu phát, gương phản xạ)	10 đầu	0,400
85	Lắp đặt vỏ hộp chuông đèn nút nhấn	hộp	11,000
86	Lắp đặt chuông báo cháy, YunYang/Taiwan	5 chuông	2,200
87	Lắp đặt đèn hiển thị báo cháy, YunYang/Taiwan	5 đèn	2,200
88	Lắp đặt nút báo cháy khẩn cấp, YunYang/Taiwan	5 nút	2,200
89	Lắp đặt đèn báo phòng, Horing/Taiwan	10 đầu	0,900
90	Lắp đặt dây dẫn 4x0,75mm2	m	1.587,000
91	Lắp đặt cáp tín hiệu 20x1mm2	m	253,000
92	Lắp đặt ống nhựa máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn - Đường kính D16mm	m	1.572,000
93	Lắp đặt ống nhựa chìm bảo hộ dây dẫn - Đường kính 40/30mm	m	253,000
94	Đo thử kênh	1 chỉ	10,000

		tiêu	
95	Lắp đặt dây tiếp địa 1x10mm2	m	60,000
96	Lắp đặt dây điện nguồn 2x2,5mm2	m	20,000
97	Đóng cọc tiếp địa bằng thép mạ đồng d16 l=2400 (tiếp địa cho TTBC và máy bơm)	cọc	2,000
B	**HỆ THỐNG CHỐNG SÉT**	**Đơn vị**	**Khối lượng**
1	Lắp đặt Kim thu sét LIVA/Thổ Nhĩ Kỳ, Model: LIVA LAP BX175, bán kính 101m	cái	1,000
2	Đóng cọc mạ đồng D16 l=2,4m chống sét	cọc	5,000
3	Chi phí khoan cọc 15m	cọc	5,000
4	Kéo rải dây chống sét bằng đồng theo mái nhà loại M70	m	50,000
5	Lắp đặt ống nhựa bảo hộ dây dẫn - Đường kính D65/50mm	m	50,000
6	Lắp đặt ống thép d= 32mm	100m	0,010
7	Lắp đặt ống thép d= 40mm	100m	0,020
8	Lắp đặt ống thép d= 50mm	100m	0,020
9	Lắp đặt đầu neo cáp	bộ	4,000
10	Lắp đặt thiết bị đếm sét LSR (Lightning strike recorder)	bộ	1,000
11	Lắp đặt hộp kiểm tra điện trở	hộp	1,000
12	Kéo rải dây thép chống sét dưới mương đất, M70mm	m	114,000
13	Hàn điện cực tiếp đất với dây liên kết bằng phương pháp hàn hoá nhiệt Cadweld	mối	8,000
14	Lắp đặt cáp neo D8	m	24,000
15	Vật tư phụ (Đai định vị cáp thoát sét, sư cách ly, bộ hãm cáp, bulong, vít nở, …)	bộ	1,000
16	Đào kênh mương, rãnh thoát nước, rộng <=3 m, sâu <=1 m, đất cấp I	m3	4,400
17	Đắp đất nền móng công trình, nền đường bằng thủ công (bằng khối lượng đào)	m3	4,400
18	Đế cột chống sét+ phụ kiện	cái	1,000
C	**BỂ NƯỚC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**	**Đơn vị**	Khối lượng
1	Tháo dỡ mái tôn garaxe bằng thủ công.	m2	45,000
2	Tháo dỡ vì kèo, xà gỗ	tấn	0,300
3	Tháo dỡ cột thép	tấn	0,100
4	Phá dỡ kết cấu bê tông không cốt thép bằng búa căn khí nén 3m3/ph	m3	2,090
5	Lắp dựng cột thép các loại	tấn	0,100
6	Lắp dựng xà gồ thép	tấn	0,300
7	Lợp mái, gara xe bằng tôn sóng sau tháo dỡ (chỉ tính vật liệu phụ)	100m2	0,450
8	Đào móng công trình, chiều rộng móng ≤6m, bằng máy đào 0,8m3, đất cấp III	100m3	1,990
9	Gia công, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ móng cột vuông, chữ nhật	100m2	0,040

10	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông móng rộng >250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 150	m³	6,700
11	Gia công, lắp dựng cốt thép móng, đường kính ≤10mm	tấn	1,040
12	Gia công, lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, đường kính ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,120
13	Gia công, lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, đường kính ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,670
14	Gia công, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ móng cột vuông, chữ nhật	100m2	0,440
15	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông móng rộng ≤250cm đá 1x2, vữa bê tông mác 250	m3	16,280
16	Mua và lắp đặt băng cản nước Bestmix SV200	m	33,800
17	Gia công, lắp dựng cốt thép tường, đường kính ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	1,410
18	Gia công, lắp dựng cốt thép cột, trụ, đường kính ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,030
19	Gia công, lắp dựng cốt thép cột, trụ, đường kính ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,200
20	Gia công, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ cột vuông, chữ nhật	100m2	0,040
21	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông cột tiết diện ≤0,1m2, chiều cao ≤6m đá 1x2, vữa bê tông mác 250	m3	0,180
22	Gia công, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ tường thẳng dày ≤45cm	100m2	0,910
23	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông tường dày ≤45cm, chiều cao ≤6m đá 1x2, vữa bê tông mác 250	m3	9,110
24	Gia công, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,330
25	Gia công, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn nắp bể	100m2	0,590
26	Gia công, lắp dựng cốt thép nắp bể, đường kính ≤10mm, chiều cao ≤28m	tấn	0,940
27	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông sàn mái đá 1x2, vữa bê tông mác 250	m3	6,330
28	Sản xuất, lắp đặt cốt thép tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, con sơn đúc sẵn	tấn	0,020
29	Gia công, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn gỗ, ván khuôn nắp đan, tấm chớp	100m2	0,010
30	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô... đá 1x2, vữa bê tông mác 200	m3	0,050

31	Lắp dựng các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng máy, lắp giá đỡ mái chồng diêm, con sơn, cửa sổ, lá chớp, nan hoa, tấm đan	cái	1,000
32	Trát tường ngoài, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	86,500
33	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75 (Lớp 1)	m2	79,860
34	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75 (Lớp 2)	m2	79,860
35	Quét nước xi măng 2 nước	m2	79,860
36	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 2cm, vữa XM mác 100	m2	57,170
37	Đắp đất công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	0,400
38	Vận chuyển đất bằng ôtô tự đổ 7 tấn trong phạm vi ≤500m, đất cấp III	100m3	1,590
39	Gia công, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ cột vuông, chữ nhật	100m2	0,110
40	Gia công, lắp dựng cốt thép cột, trụ, đường kính ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,010
41	Gia công, lắp dựng cốt thép cột, trụ, đường kính ≤18mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,090
42	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông cột tiết diện ≤0,1m2, chiều cao ≤6m đá 1x2, vữa bê tông mác 250	m3	0,540
43	Xây tường thẳng bằng gạch rỗng 6 lỗ 10x15x22, chiều dày >10cm, chiều cao ≤6m, vữa XM mác 75	m3	7,170
44	Xây móng bằng gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, chiều dày ≤33cm, vữa XM mác 75	m3	1,130
45	Xây tường thẳng bằng gạch thông gió 20x20cm, vữa XM mác 75	m2	0,480
46	Gia công, lắp dựng tháo dỡ ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ xà dầm, giằng	100m2	0,030
47	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông xà dầm, giằng nhà chiều cao ≤6m, đá 1x2, vữa bê tông mác 250	m3	0,250
48	Gia công, lắp dựng cốt thép xà dầm, giằng, đường kính ≤10mm, chiều cao ≤6m	tấn	0,020
49	Đắp cát nền móng công trình, bằng thủ công	m3	3,200
50	Bê tông đá dăm sản xuất bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, bê tông nền đá 1x2, vữa bê tông mác 200	m3	1,600
51	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m2	47,800
52	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m2	47,800
53	Lợp mái bằng tôn sóng vuông dày 0,40 ly tương đương Hoa Sen	100m2	0,290
54	Xà gồ thép hộp mạ kẽm 40x80x1,4ly	m	36,600

55	Gia công xà gồ thép (chỉ tính VL phụ)	tấn	0,090
56	Lắp dựng xà gồ thép	tấn	0,090
57	Sơn tường ngoài nhà không bả, 1 nước lót + 2 nước phủ bằng sơn các loại	m2	47,800
58	Sơn dầm, trần, cột, tường trong nhà không bả, 1 nước lót + 2 nước phủ bằng sơn các loại	m2	47,800
59	Cửa đi khung thép hộp 30x60, tấm pano thép dày 2mm sơn hoàn thiện + khóa + lề cửa	m²	4,500
D	**CHI PHÍ THIẾT BỊ**		
1	Máy bơm chữa cháy động cơ điện 75Kw. Model: GK 80-250/75, Q=160-254m3/h, H8-67m, TUBOS/VN, (đã bao gồm CP kiểm định)	Cái	1
2	Máy bơm chữa cháy động cơ diesel 75Kw. Model: GK 80-250/75, Q=160-254 m3/h, H = 80-67m, TUBOS/VN, (đã bao gồm CP kiểm định)	Cái	1
3	Máy bơm bù chữa cháy 3Kw. Model: GE7-400/8T, Q=2.4-10.2 m3/h, H=96.1-43, (đã bao gồm CP kiểm định)	Cái	1
4	Tủ điện điều khiển 03 máy bơm, Việt Nam	Tủ	1
5	Bình tích áp 100L, Trung Quốc	Bình	1
6	Trung tâm báo cháy 10 kênh, Yun Yang-Taiwan	Tủ	1

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____*[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]*
Tên gói thầu: _____ *[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào giá]*
Tên dự án: _____ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số ____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà thầu],* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].*

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02

CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU XÂY LẮP

(áp dụng đối với gói thầu xây lắp)

Ngày:___ *[Điền ngày, tháng, năm ký cam kết]*
Tên gói thầu: _____*[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]*
Tên dự án: _____*[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá, văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số ____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* và thiết kế bản vẽ thi công đính kèm do _____*[Ghi tên bên mời thầu]* phát hành, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà thầu]* cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và sẽ thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt cũng như tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của bản yêu cầu báo giá.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 03

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

(áp dụng đối với gói thầu xây lắp)

Căn cứ vào yêu cầu phạm vi cung cấp được quy định tại Chương II, nhà thầu thực hiện bảng tổng hợp chào giá gói thầu, theo quy định của bảng sau:

1	2	3	4	5	6	7
STT	**Mô tả công việc mời thầu**	**Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật**	**Đơn vị tính**	**Khối lượng mời thầu**	**Đơn giá**	**Thành tiền** (Cột 5x6)
I	***Hạng mục 1:***					***A***
1						
2						
II	***Hạng mục 2: …***					***B***
…						
….						
Giá chào (A + B + …) (Kết chuyển sang đơn chào hàng, trang số ….)						

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (2) (3) (4) (5) Căn cứ theo phạm vi cung cấp được quy định tại Chương II. Cột (6) và (7) do nhà thầu chào giá.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

Hợp đồng thi công
Số: / 2025/ HĐTC ngày tháng năm 2025
Hạng mục: HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ BỂ CHỮA CHÁY
Thuộc: NHÀ MÁY SẤY LÚA SEPON
Địa điểm xây dựng: Cụm CN Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

PHẦN I – CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Tổng công ty Thương Mại Quảng Trị;
- Căn cứ quyết định số:18/QĐ-HĐQT ngày 18/12/2024 của HĐQT Tổng công ty thương mại Quảng Trị về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện hạng mục: Hệ thống Phòng cháy chữa cháy và bể chữa cháy;
- Căn cứ nhu cầu của 02 bên.

PHẦN 2 – CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày tháng năm 2025 tại Nhà máy sấy lúa Sepon, đại diện hai bên chúng tôi gồm có :

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

1. Bên A : CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI QUẢNG TRỊ - NHÀ MÁY SẤY LÚA SEPON

Địa chỉ: Cụm CN Diên Sanh, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: ..... Fax: 0233 3852695
Mã số thuế: 3200042556-032
Số tài khoản: **3900211010038** tại Ngân hàng No & PTNT Quảng Trị
Do Ông: **Nguyễn Bá Tài** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

2. Bên nhận thầu (Gọi tắt là bên B) :

- Tên đơn vị : .....
- Địa chỉ trụ sở : ..... .
- Điện thoại, fax : ..... .
- Tài khoản số: ..... .
- Tại ngân hàng : ..... .
- Mã số thuế: ..... .
- Đại diện ông: ..... .
- Chức vụ: ..... .

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG NỘI DUNG SAU

Điều 1. Đối tượng hợp đồng:

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng hạng mục: Hệ thống Phòng cháy chữa cháy và bể chữa cháy thuộc: Nhà máy sấy lúa Sepon, theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt, đồng thời đảm bảo đúng qui trình qui phạm về kỹ thuật, mỹ thuật của công trình theo qui định của Nhà nước hiện hành.

Điều 2. Khối lượng và phạm vi công việc:

2.1 Bên B nhận thi công công trình hạng mục: Hệ thống Phòng cháy chữa cháy và bể chữa cháy thuộc: Nhà máy sấy lúa Sepon đảm bảo chất lượng theo đúng hồ sơ dự toán thiết kế đã được phê duyệt.

2.2. Thiết lập các qui trình, các hệ thống quản lý, báo cáo đầy đủ nhằm kiểm soát chất lượng và tiến độ của công trình một cách chặt chẽ và cung cấp cho Bên A đầy đủ các thông tin để có thể đánh giá tiến độ thực tế của công trình;

Điều 3. Hình thức, giá trị hợp đồng, tạm ứng và thanh toán:

3.1 Hình thức hợp đồng: Trọn gói

3.2 Giá hợp đồng: Giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT: **.....**

3.3 Tạm ứng: Ngay sau khi ký kết hợp đồng, bên A tạm ứng cho bên B 40% giá trị hợp đồng.

3.4 Thanh toán:

- Sau khi quyết toán công trình, được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt nghiệm thu hạng mục đưa vào sử dụng, chậm nhất trong vòng 10 ngày bên A thanh toán cho bên B phần giá trị còn lại theo giá trị thực tế sau khi giữ lại bảo hành công trình.

- Giá trị bảo hành: Bên A sẽ giữ lại 5% giá trị nghiệm thu thực tế để bảo hành công trình.

3.5 Hồ sơ thanh toán:

Theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước

Bên B giao cho bên A 4 bộ hồ sơ thanh quyết toán

3.6 Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản thông qua ngân hàng của hai bên.

Điều 4. Tiến độ thi công và thời hạn hoàn thành.

5.1. Ngày khởi công:

Tính từ ngày bên A bàn giao mặt bằng.

5.2. Tiến độ thi công xây dựng công trình :

Tiến độ thi công chi tiết trong vòng **60 ngày** kể từ ngày ký.

(Trừ ngày lễ, tết, mưa bảo và các trường hợp bất khả kháng).

<u>Điều 5</u>. Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình xây dựng.

5.1 Điều kiện nghiệm thu :

- Tuân theo các quy định về quản lý chất lượng công trình của ngành ban hành.

- Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo quy định.

- Công trình chỉ được nghiệm thu đưa vào sử dụng khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

5.2. Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng :

- Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đã xây dựng xong đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật khi đưa vào sử dụng. Việc nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng phải thành lập Hội đồng nghiệm thu bàn giao công trình, thành phần của Hội đồng nghiệm thu theo quy định của pháp luật về nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng.

<u>Điều 6.</u> Trường hợp bất khả kháng

1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: Chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, bị cách ly hoặc ngừng sản xuất vì dịch bệnh theo quyết định của các cơ quan chức năng.

2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, nhà thầu theo hướng dẫn của chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, 2 bên sẽ thỏa thuận để phân chia các khoản chi phí phát sinh.

3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 12 hợp đồng này.

Điều 7. **Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

- Bàn giao mặt bằng thi công và các công việc giao thầu theo hợp đồng này cho bên B trước thời hạn khởi công.

- Cung cấp cho bên B các tài liệu và hồ sơ cần thiết liên quan đến công việc thực hiện nội dung của hợp đồng này.

- Thực hiện tạm ứng, thanh toán cho bên B theo Hợp đồng này quy định

- Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên có mặt tại công trường để giám sát chất lượng, khối lượng thi công và giải quyết kịp thời các vướng mắc cho bên B.

- Tổ chức nghiệm thu khối lượng cho bên B.

Điều 8. **Quyền, nghĩa vụ của bên B**

- Cung cấp toàn bộ vật tư thi công công trình đúng theo phương án được duyệt, đảm bảo quy cách, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật, chủng loại và số lượng.

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn lao động, an toàn về điện tại khu vực trong quá trình thi công. Chịu trách nhiệm giải quyết mọi hậu quả do việc không đảm bảo an toàn trong quá trình thi công xây lắp gây nên.

- Những vướng mắc trở ngại trong thi công phát sinh không lường trước được hoặc do bất khả kháng thì bên B phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho bên A và phối hợp với bên A bàn bạc giải quyết.

- Lập hồ sơ hoàn công cùng bên A quyết toán công trình sau khi nghiệm thu bàn giao theo đúng quy định hiện hành.

- Lập đầy đủ các hồ sơ nghiệm thu, phiếu giá thanh toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và theo các quy định đã nêu trong hồ sơ mời thầu tại thời điểm nghiệm thu và thanh toán .

- Tiến hành bảo hành công trình đúng quy định sau khi công trình được bàn giao đưa vào sử dụng.

Điều 9. **Bảo hành công trình**

Bên B có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho bên A. Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa, khắc phục khiếm khuyết khi công trình đưa vào vận hành không bình thường do lỗi của bên B gây ra.

Thời hạn bảo hành công trình 12 tháng tính từ ngày bên B bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

<u>Điều 10</u>. Điều kiện chung

Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Nếu một trong hai bên đơn phương đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng thì bên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại gây ra cho phía bên kia .

Mọi sữa đổi, bổ sung đều được giải quyết trên tinh thần đàm phán đôi bên cùng có lợi và được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng thì hai bên thông nhất đệ trình vụ việc lên toà án nhân dân tỉnh Quảng trị để giải quyết. Phán quyết của Toà là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thi hành.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 2 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày____tháng_____năm_____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03 trong bản yêu cầu báo giá này].